

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TÂN TÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của Trường THPT Tân Túc
Năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 12	Lớp 11	Lớp 10
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1982	604	650	728
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1819 (91,78%)	592 (98,01%)	572 (88%)	655 (89,97%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	151 (7,62%)	12 (1,99%)	71 (10,92%)	68 (9,34%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	12 (0,61%)	0 (0%)	7 (1,08%)	5 (0,69%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
II	Số học sinh chia theo học lực	1982	604	650	728
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	610 (30,78%)	242 (40,07%)	198 (30,46%)	170 (23,35%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	963 (48,59%)	331 (54,8%)	280 (43,08%)	352 (48,35%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	381 (19,22%)	31 (5,13%)	157 (24,15%)	193 (26,51%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	28 (1,41%)	0 (0,00%)	15 (2,31%)	13 (1,79%)

5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1982	604	650	728
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1954 (98,60%)	604 (100%)	635 (97,69%)	715 (98,21%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	607 (30,62%)	242 (40,06%)	197 (30,30%)	168 (23,07%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	612 (0%)	331 (54,80%)	281 (43,23%)	0 (0%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	28 (1,4%)	0 (0,00%)	15 (2,31%)	13 (1,79%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	19 (0,95%)	0 (0,00%)	9 (1,38%)	10 (1,37%)
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	15/9 (0,75/0,45)	1/2 (0,16/0,33)	10/2 (0,53/0,30)	4/5 (0,54/0,68)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	11	11	0	0
1	Cấp huyện	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	11	11	0	0

3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	604 (100%)	604	0	0
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	604 (100%)	604	0	0
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	73 (12,0%)	73 (12,0%)	0	0
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	403 (66,72%)	403 (66,72%)	0	0
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	128 (21,28%)	128 (21,28%)	0	0
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	(đang thu thập)	(đang thu thập)	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	886/1096	253/351	277/373	356/372
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	43	17	13	13



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TÂN TÚC
 Nguyễn Thanh Tòng